

Số: 01 /HD-LN

Thái Bình, ngày 12 tháng 9 năm 2023

HƯỚNG DẪN LIÊN NGÀNH

Thực hiện một số nội dung Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai để phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Thái Bình giai đoạn đến năm 2028

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai để phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Thái Bình giai đoạn đến năm 2028 (sau đây gọi tắt là cơ chế, chính sách);

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 2708/UBND-NNTNMT ngày 10/8/2023 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Liên ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Bình hướng dẫn thực hiện một số nội dung cơ chế, chính sách, như sau:

A. ĐỐI VỚI CÁC NỘI DUNG HỖ TRỢ KINH PHÍ

I. Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở thôn, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng hỗ trợ và đáp ứng các điều kiện theo quy định của cơ chế, chính sách; lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ với thành phần hồ sơ như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở thôn

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo Mẫu số 01);
- Đơn đề nghị hỗ trợ của cơ sở thôn (theo Mẫu số 02).

2. Hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất thực hiện chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tham gia liên kết để thực hiện tích tụ, tập trung đất đai (sau đây gọi là “hộ gia đình, cá nhân”)

- Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo Mẫu số 03);
- Bản sao chứng thực Căn cước công dân của đại diện hộ gia đình, cá nhân;
- Đối với nội dung hỗ trợ cấp mới hoặc đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (quy định tại khoản 4 Điều 9 Quy định cơ chế, chính sách), bổ sung

Bản sao (có kèm theo bản chính để đối chiếu)¹ các hóa đơn, chứng từ nộp phí, lệ phí thực hiện việc cấp mới hoặc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tích tụ, tập trung đất đai để đầu tư sản xuất nông nghiệp (sau đây gọi tắt là “nhà đầu tư”)

3.1 Thành phần hồ sơ chung: Thành phần hồ sơ chung đối với các nội dung hỗ trợ quy định tại Điều 10 Quy định cơ chế, chính sách như sau:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo Mẫu số 04)²;

b) Bản sao chứng thực: Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã), Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp), Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (đối với hộ kinh doanh) hoặc Căn cước công dân (đối với đại diện hộ gia đình, cá nhân).

c) Giấy tờ chứng minh giao dịch tích tụ, tập trung đất đai:

- Đối với trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thuê quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất: Nhà đầu tư cung cấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thuê quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất có công chứng/chứng thực theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Đối với trường hợp thực hiện tích tụ, tập trung đất đai theo hình thức liên kết sản xuất: Nhà đầu tư (chủ trì liên kết) cung cấp bản chính Dự án/Kế hoạch liên kết sản xuất (theo Mẫu số 05) và Hợp đồng liên kết giữa chủ trì liên kết và người tham gia liên kết.

- Đối với trường hợp thực hiện tích tụ đất đai theo Dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư: Nhà đầu tư cung cấp bản sao chứng thực Quyết định và Hợp đồng cho thuê đất của Nhà nước.

3.2 Thành phần hồ sơ bổ sung

Ngoài thành phần hồ sơ chung tại điểm 3.1 nêu trên, đối với một số nội dung hỗ trợ phải bổ sung các thành phần hồ sơ như sau:

a) *Hồ trợ chi phí xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản, số hóa đồng ruộng, chứng nhận chất lượng sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký công nhận (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ, thương mại công bằng, nông nghiệp sinh thái, sản xuất an toàn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao) theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Quy định cơ chế, chính sách.*

- Bản sao chứng thực văn bản: Chứng nhận thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ

¹ Đối với hóa đơn, chứng từ điện tử thì không phải kèm theo bản chính, cơ quan thẩm định thực hiện tra cứu, đối chiếu trên công thông tin điện tử của Tổng Cục thuế hoặc các trang thông tin điện tử của các cơ quan chức năng có liên quan để thẩm định.

² Trường hợp vùng sản xuất tập trung sau khi tích tụ, tập trung đất đai nằm trên địa bàn của nhiều xã, phường, thị trấn, cơ sở thôn liền kề; phải có xác nhận của tất cả xã, phường, thị trấn.

hàng hóa, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản; thông báo cấp mã số vùng trồng; chứng nhận chất lượng sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký công nhận (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ, thương mại công bằng, nông nghiệp sinh thái, sản xuất an toàn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao).

- Bản sao (có kèm theo bản chính để đối chiếu)³ các hóa đơn, chứng từ thanh toán, nộp phí, lệ phí thực hiện việc chứng nhận thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản; cấp mã số đồng ruộng; chứng nhận chất lượng sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký công nhận (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ, thương mại công bằng, nông nghiệp sinh thái, sản xuất an toàn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao).

b) Hỗ trợ chi phí xây dựng nhà màng, nhà lưới theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Quy định cơ chế, chính sách

- Bản sao chứng thực Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án của cấp có thẩm quyền; bản sao Thuyết minh dự án đầu tư.

- Quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành và các tài liệu liên quan (bản vẽ thiết kế hoàn công; dự toán chi phí xây dựng; hóa đơn thuế giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan thanh toán tiền mua vật tư, thiết bị phục vụ xây dựng nhà màng, nhà lưới).

c) Hỗ trợ Hợp tác xã thành lập mới kinh phí mua máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp (quy định tại khoản 5 Điều 10 Quy định cơ chế, chính sách)

- Bản sao Hóa đơn thuế giá trị gia tăng hoặc Hóa đơn bán hàng dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan mua máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Bản sao chứng thực: Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) theo mẫu quy định của Bộ Công Thương đối với các loại máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp do nước ngoài sản xuất; Bản công bố tiêu chuẩn chất lượng của cơ sở sản xuất, lắp ráp máy thiết bị đối với các loại máy, thiết bị do cơ sở sản xuất trong nước sản xuất, lắp ráp.

II. Nghiệm thu, thẩm định hỗ trợ

1. Trường hợp đề nghị hỗ trợ lần đầu

1.1. Vùng sản xuất tập trung nằm trên địa bàn của 01 xã, phường, thị trấn

a) Bước 1: Sau khi hoàn thành tích tụ, tập trung đất đai hình thành vùng sản xuất tập trung đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo Quy định cơ chế, chính sách; cơ sở thôn, nhà đầu tư và hộ gia đình, cá nhân hoàn thiện 03 bộ hồ sơ (thành phần hồ sơ theo hướng dẫn tại phần I nêu trên, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để kiểm tra, tổng hợp, đề nghị hỗ trợ).

³ Đối với hóa đơn, chứng từ điện tử thì không phải kèm theo bản chính, cơ quan thẩm định thực hiện tra cứu, đối chiếu trên cổng thông tin điện tử của Tổng Cục thuế hoặc các trang thông tin điện tử của các cơ quan chức năng có liên quan để thẩm định.

b) *Bước 2:* Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của cơ sở thôn, nhà đầu tư, hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất; Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra thực tế, lập Biên bản kiểm tra (thành phần có: Đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, Hợp tác xã nông nghiệp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, Hội Nông dân xã, cán bộ địa chính, đại diện cơ sở thôn, nhà đầu tư), lập Tờ trình đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu số 01A) và gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện 02 bộ hồ sơ đề tổ chức nghiệm thu, thẩm định hỗ trợ.

c) *Bước 3:* Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức nghiệm thu, thẩm định; lập Tờ trình đề nghị hỗ trợ và gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 01 bộ hồ sơ để tổng hợp, đề nghị hỗ trợ.

d) *Bước 4:* Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp huyện; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ.

1.2. Vùng sản xuất tập trung nằm trên địa bàn của hai hay nhiều xã, phường, thị trấn liền kề trong cùng huyện, thành phố

a) *Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở thôn và hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất:* Trình tự, thủ tục nghiệm thu, thẩm định hỗ trợ thực hiện theo 4 bước như quy định tại điểm 1.1 nêu trên.

b) *Đối với Nhà đầu tư:*

- *Bước 1:* Sau khi hoàn thành tích tụ, tập trung đất đai hình thành vùng sản xuất tập trung đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo Quy định cơ chế, chính sách; Nhà đầu tư hoàn thiện 02 bộ hồ sơ theo diện tích vùng sản xuất thuộc nhiều xã, phường, thị trấn liền kề (thành phần hồ sơ theo hướng dẫn tại khoản 3 mục I phần A), gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổ chức kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định hỗ trợ.

- *Bước 2:* Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định; lập Tờ trình đề nghị hỗ trợ và gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 01 bộ hồ sơ để tổng hợp, đề nghị hỗ trợ.

- *Bước 3:* Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp huyện; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ.

1.3. Vùng sản xuất tập trung nằm trên địa bàn của hai hay nhiều huyện, thành phố liền kề

a) *Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở thôn và hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất:* Trình tự, thủ tục nghiệm thu, thẩm định hỗ trợ thực hiện theo 4 bước như quy định tại điểm 1.1 nêu trên.

b) *Đối với Nhà đầu tư:*

- *Bước 1:* Sau khi hoàn thành tích tụ, tập trung đất đai hình thành vùng sản xuất tập trung đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo Quy định cơ chế, chính sách;

Nhà đầu tư hoàn thiện 01 bộ hồ sơ theo diện tích vùng sản xuất thuộc địa bàn của hai hay nhiều huyện, thành phố liền kề (thành phần hồ sơ theo hướng dẫn tại khoản 3 mục I phần A), gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tổ chức kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định hồ trợ.

- *Bước 2:* Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Nhà đầu tư; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hồ trợ.

2. Trường hợp đề nghị hồ trợ bổ sung

2.1 Hồ trợ bổ sung kinh phí hằng năm

Trình tự, thủ tục hồ trợ hộ gia đình, cá nhân cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, liên kết sản xuất trong các năm tiếp theo thực hiện như sau:

- *Bước 1:* Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra thực tế, xác nhận việc các hộ gia đình, cá nhân vẫn tiếp tục cho thuê, góp vốn, tham gia liên kết để hình thành vùng sản xuất tập trung; lập Tờ trình (theo Mẫu số 01B gửi kèm) gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, thẩm định.

- *Bước 2:* Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã; có trách nhiệm thẩm định, lập Tờ trình gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, đề nghị hồ trợ.

- *Bước 3:* Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện; rà soát đối tượng, nội dung hồ trợ, tổng hợp và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí hồ trợ.

2.2 Hồ trợ bổ sung đối với diện tích đất tích tụ, tập trung mở rộng tăng thêm

Các đối tượng thụ hưởng chính sách lập hồ sơ bổ sung (theo hướng dẫn tại mục I phần A) và thực hiện trình tự, thủ tục các bước tương tự như đối với các trường hợp đề nghị hồ trợ lần đầu (theo hướng dẫn tại điểm 1.1, điểm 1.2, điểm 1.3 mục II phần A) để được xem xét, hồ trợ.

III. Phân bổ, cấp kinh phí hồ trợ

1. Phân bổ kinh phí hồ trợ

Căn cứ quyết định hồ trợ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí hồ trợ từ nguồn vốn đầu tư công, nguồn vốn chi thường xuyên để thực hiện cơ chế, chính sách.

2. Cấp phát kinh phí hồ trợ

2.1. Căn cứ Quyết định phân bổ kinh phí hồ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Tài chính cấp kinh phí hồ trợ cho các đối tượng thụ hưởng, cụ thể như sau:

a) *Đối với kinh phí hồ trợ cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở thôn, hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất:* Sở Tài chính cấp bổ sung có mục tiêu cho

ngân sách cấp xã thông qua ngân sách cấp huyện.

- Đối với kinh phí hỗ trợ cho cơ sở thôn, hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất; Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ Quyết định cấp kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện cấp phát kinh phí hỗ trợ (tạm ứng/thanh toán trực tiếp) theo đúng đối tượng được hưởng.

- Đối với kinh phí hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở thôn thực hiện công tác tuyên truyền, vận động: Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở thôn có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ công tác tuyên truyền vận động người dân cho xã và cơ sở thôn đúng mục đích và đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

b) Đối với kinh phí hỗ trợ cho nhà đầu tư có vùng sản xuất được hỗ trợ nằm trên địa bàn 01 huyện, thành phố: Sở Tài chính cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện; trên cơ sở Văn bản đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ của nhà đầu tư (theo Mẫu số 06 gửi kèm), Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện lập lệnh chi tiền để cấp phát trực tiếp bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư.

c) Đối với kinh phí hỗ trợ cho nhà đầu tư có vùng sản xuất được hỗ trợ nằm trên địa bàn của hai hay nhiều huyện, thành phố liền kề: Trên cơ sở Văn bản đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ của nhà đầu tư (theo Mẫu số 06 gửi kèm); Sở Tài chính lập lệnh chi tiền để cấp phát trực tiếp bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư.

2.2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo nghiêm ngặt, công khai danh sách đối tượng được hưởng hỗ trợ, nội dung, kinh phí hỗ trợ tại trụ sở Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi có diện tích đất tích tụ, tập trung; thời gian niêm yết tối thiểu 10 ngày trước khi tổ chức cấp phát kinh phí hỗ trợ; đồng thời thông báo công khai trên hệ thống Đài phát thanh địa phương về việc niêm yết danh sách để người dân được biết.

B. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRỰC CHÍNH NỘI ĐỒNG (theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy định cơ chế, chính sách)

1. Bước 1. Khảo sát, xây dựng phương án đầu tư

- Nhà đầu tư có nhu cầu xây mới hoặc cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông trực chính nội đồng kết nối vùng sản xuất với đường giao thông hiện có (gần nhất) làm Đơn đề nghị gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến đầu tư xây dựng tuyến đường.

- Trên cơ sở đề nghị của Nhà đầu tư; căn cứ Quy hoạch chi tiết giao thông thùy lợi nội đồng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (còn hiệu lực); Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức khảo sát, lập dự toán sơ bộ chi phí đầu tư xây dựng tuyến đường (quy mô, tiêu chuẩn theo Hướng dẫn số 05/HD-SNNPTNT ngày 30/9/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và có Tờ trình đề nghị hỗ trợ kinh phí gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ.

2. Bước 2. Kiểm tra, thẩm định hỗ trợ

Sau khi nhận được Tờ trình đề nghị hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã; căn cứ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy định cơ chế, chính sách, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra, đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hỗ trợ.

3. Bước 3. Đầu tư xây dựng công trình

- Căn cứ quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng, Hướng dẫn số 05/HD-SNNPTNT ngày 30/9/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định pháp luật liên quan.

- Trên cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã làm Tờ trình đề nghị phân bổ kinh phí gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí hỗ trợ.

C. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐIỀU CHỈNH, CẬP NHẬT VÀO QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ XÂY DỰNG CÁC LOẠI CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH TRỒNG LÚA (KHU LÀM MẠ, KHU SẤY LÚA) (theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Quy định cơ chế, chính sách)

1. Trình tự, thủ tục điều chỉnh, cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

a) *Bước 1:* Nhà đầu tư sau khi thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để đầu tư sản xuất nông nghiệp, đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 6 Điều 10 Quy định cơ chế, chính sách và có nhu cầu đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện để chuyển mục đích sử dụng đất và đầu tư xây dựng các loại công trình phục vụ mục đích trồng lúa (khu làm mạ, khu sấy lúa) thì làm Đơn đề nghị và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã, trong đó diện tích đề nghị bổ sung quy hoạch, kế hoạch tối đa bằng 1% tổng diện tích vùng trồng lúa đã tích tụ, tập trung⁴.

b) *Bước 2:* Ủy ban nhân dân cấp xã trên cơ sở đề nghị của Nhà đầu tư; căn cứ quy hoạch xây dựng nông thôn mới, kế hoạch sản xuất nông nghiệp trên địa bàn quản lý và các quy hoạch chuyên ngành khác; tổng hợp, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện đưa diện tích đất trồng lúa sang diện tích đất nông nghiệp khác vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

c) *Bước 3:* Ủy ban nhân dân cấp huyện trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã và của Nhà đầu tư; căn cứ chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện; xem xét đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, xây dựng các loại công trình phục vụ mục đích trồng lúa (khu làm mạ, khu sấy lúa)

a) Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang diện tích

⁴ Chỉ đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất mà Nhà đầu tư được Nhà nước giao, cho thuê hoặc đất nhận chuyển nhượng, góp vốn từ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác.

trồng lúa (khu làm mạ, khu sấy lúa) thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Quy mô, diện tích, tiêu chuẩn xây dựng các loại công trình phục vụ mục đích trồng lúa (khu làm mạ, khu sấy lúa) thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trên đây là Hướng dẫn liên ngành thực hiện Cơ chế, chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai để phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Thái Bình giai đoạn đến năm 2028 được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành tại Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

SỞ TÀI CHÍNH

 KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Thế Hùng

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

 PHÓ GIÁM ĐỐC
Dặng Hồng Kỳ

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

 KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Nga

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

 KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Duy Chính

KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH THÁI BÌNH

 PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hải

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để B/c);
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT; Tài chính, Tài nguyên và Môi trường;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Bình;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT (KHĐT, TC, NNPTNT, TNMT, KBNN), KTXH.

Phụ lục
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ
QUYẾT SỐ 08/2023/NQ-HĐND NGÀY 12/7/2023 CỦA HĐND TỈNH
(Kèm theo Hướng dẫn số 01/HD-LN ngày 12/9/2023 của Liên ngành Kế hoạch
và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi
trường, Kho bạc Nhà nước tỉnh)

Mẫu số 01A	Tờ trình đề nghị hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã
Mẫu số 01B	Tờ trình đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ hằng năm của Ủy ban nhân dân cấp xã
Mẫu số 02	Đơn đề nghị hỗ trợ của cơ sở thôn
Mẫu số 03	Đơn đề nghị hỗ trợ của hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất
Mẫu số 04	Đơn đề nghị hỗ trợ của Nhà đầu tư (tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tích tụ, tập trung đất đai để đầu tư sản xuất nông nghiệp)
Mẫu số 05	Dự án/kế hoạch liên kết sản xuất của Nhà đầu tư là chủ trì liên kết
Mẫu số 06	Đơn đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ của Nhà đầu tư có vùng sản xuất tập trung được hỗ trợ nằm trên địa bàn của hai hay nhiều xã, phường, thị trấn liên kế hoặc hai hay nhiều huyện, thành phố liên kế.

Mẫu số 01A: Dành cho Ủy ban nhân dân cấp xã

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-UBND , ngày tháng ... năm

TỜ TRÌNH

**Về việc hỗ trợ kinh phí tích tụ, tập trung đất đai để phát triển kinh tế
nông nghiệp trên địa bàn xã**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thành phố

Thực hiện Văn bản số /UBND-NNTNMT ngày /8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai để phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Thái Bình giai đoạn đến năm 2028;

Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số /HD-LN ngày /8/2023 của liên ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thành phố nghiệm thu, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã/phường/thị trấn, cụ thể như sau:

1. Thông tin diện tích đất sản xuất, vùng sản xuất tập trung

a) Tên nhà đầu tư:

b) Địa chỉ:

c) Tổng diện tích đất sản xuất:ha; trong đó:

- Diện tích đất thuộc vùng sản xuất tập trung làha; trong đó, diện tích đất tích tụ, tập trung **liền mảnh¹** là ha.

- Diện tích đất sản xuất không thuộc vùng sản xuất tập trung làha.

d) Tổng số hộ gia đình, cá nhân đã chuyển nhượng/cho thuê/góp vốn bằng quyền sử dụng đất/tham gia liên kết sản xuất: hộ gia đình/cá nhân.

d) Tổng số thửa đất đã tích tụ, tập trung đất đai: thửa đất.

¹ Diện tích đất tích tụ, tập trung đất đai **liền mảnh**: Là diện tích đất mà trong đó không còn thửa đất chưa được tích tụ, tập trung đất đai để hình thành vùng sản xuất tập trung theo quy định của cơ chế, chính sách.

2. Kinh phí đề nghị hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai

a) Hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở thôn thực hiện công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tích tụ, tập trung đất đai (theo diện tích đất tích tụ, tập trung thành vùng sản xuất tập trung)

- Ủy ban nhân dân cấp xã là triệu đồng;

- Thôn là triệu đồng;

- Thôn là triệu đồng.

b) Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất (đối với diện tích đất tích tụ, tập trung thành vùng sản xuất tập trung)

- Hỗ trợ hộ gia đình/cá nhân thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, với tổng diện tích là m²; tổng kinh phí là triệu đồng.

- Hỗ trợ hộ gia đình/cá nhân thực hiện cho thuê/góp vốn bằng quyền sử dụng đất, với tổng diện tích là m²; tổng kinh phí là triệu đồng, trong đó:

+ Đối với diện tích đất có thời gian cho thuê/góp vốn ổn định từ 05 năm đến dưới 10 năm là hộ gia đình/cá nhân; diện tích cho thuê/góp vốn là m²; khối lượng thóc hỗ trợ là kg/năm.

+ Đối với diện tích đất có thời gian cho thuê/góp vốn ổn định từ 10 năm trở lên là hộ gia đình/cá nhân; diện tích cho thuê/góp vốn là m²; khối lượng thóc hỗ trợ là kg/năm.

- Hỗ trợ hộ gia đình/cá nhân tham gia liên kết sản xuất, với tổng diện tích là m²; khối lượng thóc hỗ trợ là kg/năm.

- Hỗ trợ hộ gia đình/cá nhân thực hiện cấp mới hoặc đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; với tổng kinh phí là triệu đồng;

(Chi tiết có Danh sách hộ gia đình, cá nhân kèm theo)

c) Hỗ trợ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để đầu tư sản xuất nông nghiệp (Nhà đầu tư).

- Hỗ trợ cải tạo đất, cải tạo mặt bằng đối với diện tích tích tụ, tập trung liền mảnh; tổng kinh phí hỗ trợ là triệu đồng (đối với diện tích đất tích tụ, tập trung thành vùng sản xuất tập trung)

- Hỗ trợ chi phí xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản, cấp mã số vùng trồng, chứng nhận chất lượng sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký công nhận (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ, thương mại công bằng, nông nghiệp sinh thái, sản xuất an toàn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao), với kinh phí là triệu đồng.

- Hỗ trợ xây dựng nhà màng, nhà lưới, với kinh phí là triệu đồng.

- Hỗ trợ Hợp tác xã thành lập mới kinh phí mua máy, thiết bị phục vụ sản

xuất nông nghiệp, với tổng kinh phí là triệu đồng, trong đó:

- Máy làm đất đa năng công suất CV là đồng;

- Máy xay xát lúa gạo liên hoàn là đồng;

- Máy

- Hỗ trợ đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện để chuyển mục đích sử dụng đất và đầu tư xây dựng các loại công trình phục vụ mục đích trồng lúa (khu làm mạ, khu sấy lúa); với diện tích đề nghị là m².

(Có 03 bộ Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kèm theo)

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn cam kết đã tổ chức kiểm tra, rà soát, xác định tính chính xác thông tin đã kê khai; các đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ có thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để hình thành vùng sản xuất tập trung theo quy định của cơ chế, chính sách. Trường hợp để sai sót, sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định pháp luật.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thành phố tổ chức nghiệm thu, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

DANH SÁCH

Hộ gia đình, cá nhân có trong phạm vi diện tích tích tụ, tập trung đất đai
liền mảnh đủ điều kiện đề nghị hỗ trợ

(Kèm theo Tờ trình số ... /TTr-UBND ngày ... /... /.....
của UBND xã

STT	Đại diện hộ gia đình/cá nhân	Địa chỉ thường trú	Địa điểm thửa đất	Số của thửa đất ²	Diện tích thửa đất ³	Thời gian tham gia ⁴	Số kinh phí/lượng thóc hỗ trợ ⁵
A	Diện tích đất tích tụ, tập trung thành vùng sản xuất tập trung (liền mảnh)				Tổng		
I	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất				Tổng		Tổng
1	Nguyễn Văn A	Thôn ..., xã	Thôn ...,	11111	1.000		2,8
2							
II	Cho thuê quyền sử dụng đất				Tổng		Tổng
1	Nguyễn Văn B	Thôn ..., xã	Thôn ...,	22222	360	05	15
2							
III	Góp vốn bằng quyền sử dụng đất				Tổng		Tổng
1	Nguyễn Văn C	Thôn ..., xã	Thôn ...,	33333	720	10	50
2							
IV	Tham gia liên kết sản xuất				Tổng		Tổng
1	Nguyễn Văn D	Thôn ..., xã	Thôn ...,	44444	1.080	05	30
2							
V	Cấp mới hoặc đổi GCNQSDĐ				Tổng		Tổng
1	Nguyễn Văn E	Thôn ..., xã	Thôn ...,	44444	360		0,9
2							

² Số của thửa đất lấy theo số địa chính của xã, phường, thị trấn;

³ Diện tích thửa đất tính theo số giao trên sổ địa chính của xã, phường, thị trấn; đơn vị tính là "m²";

⁴ Thời gian tham gia tích tụ, tập trung đất đai tính theo thời gian hợp đồng cho thuê/góp vốn/tham gia liên kết; đơn vị là "năm"

⁵ Kinh phí hỗ trợ tính theo đơn vị là "nghìn đồng"; số lượng thóc hỗ trợ tính theo đơn vị là "kg".

STT	Đại diện hộ gia đình/cá nhân	Địa chỉ thường trú	Địa điểm thửa đất	Số của thửa đất ²	Diện tích thửa đất ³	Thời gian tham gia ⁴	Số kinh phí/lượng thóc hỗ trợ ⁵
B	Diện tích đất tích tụ, tập trung thành vùng sản xuất tập trung (ngoài phạm vi liên mảnh)				Tổng		
I	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất				Tổng		Tổng
1	Nguyễn Văn A	Thôn ..., xã	Thôn ...,	11111	1.000		2,8
2							
II	Cho thuê quyền sử dụng đất				Tổng		Tổng
1	Nguyễn Văn B	Thôn ..., xã	Thôn ...,	22222	360	05	15
2							
III	Góp vốn bằng quyền sử dụng đất				Tổng		Tổng
1	Nguyễn Văn C	Thôn ..., xã	Thôn ...,	33333	720	10	50
2							
IV	Tham gia liên kết sản xuất				Tổng		Tổng
1	Nguyễn Văn D	Thôn ..., xã	Thôn ...,	44444	1.080	05	30
2							
V	Cấp mới hoặc đổi GCNQSDĐ				Tổng		Tổng
1	Nguyễn Văn E	Thôn ..., xã	Thôn ...,	44444	360		0,9
2							
C	Diện tích đất sản xuất không thuộc vùng sản xuất tập trung				Tổng		
I	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất				Tổng		
1	Trần Văn G	Thôn ..., xã	Thôn ...,	11111	1.000		
2							
II	Cho thuê quyền sử dụng đất				Tổng		
1	Trần Văn H	Thôn ..., xã	Thôn ...,	22222	360	05	

STT	Đại diện hộ gia đình/cá nhân	Địa chỉ thường trú	Địa điểm thửa đất	Số của thửa đất ²	Diện tích thửa đất ³	Thời gian tham gia ⁴	Số kinh phí/lượng thóc hỗ trợ ⁵
2							
III	Góp vốn bằng quyền sử dụng đất				Tổng		
1	Trần Văn I	Thôn ..., xã	Thôn ...,	33333	720	10	
2							
IV	Tham gia liên kết sản xuất				Tổng		
1	Trần Văn K	Thôn ..., xã	Thôn ...,	44444	1.080	05	
2							

Mẫu số 01B: Dành cho Ủy ban nhân dân cấp xã

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-UBND , ngày tháng ... năm

TỜ TRÌNH

**Về việc hỗ trợ kinh phí tích tụ, tập trung đất đai để phát triển kinh tế
nông nghiệp trên địa bàn xã năm 202...**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thành phố

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai để phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Thái Bình giai đoạn đến năm 2028;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày ... / ... / của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai để phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã, huyện

Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số /HD-LN ngày /8/2023 của liên ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thành phố nghiệm thu, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã/phường/thị trấn năm 202..., cụ thể như sau:

1. Thông tin vùng sản xuất tập trung

a) Địa điểm vùng sản xuất tập trung:

b) Thông tin Nhà đầu tư (tên, địa chỉ):

c) Tổng số hộ gia đình, cá nhân đã cho thuê/góp vốn bằng quyền sử dụng đất/tham gia liên kết sản xuất: hộ gia đình/cá nhân.

d) Tổng số thửa đất đã cho thuê/góp vốn bằng quyền sử dụng đất/tham gia liên kết sản xuất: thửa đất.

đ) Tổng diện tích vùng sản xuất tập trung là ha; trong đó, diện tích đất tích tụ, tập trung **liền mảnh**⁶ là ha.

⁶ Diện tích đất tích tụ, tập trung đất đai **liền mảnh** là diện tích đất mà trong đó không còn thửa đất chưa được tích tụ, tập trung đất đai để hình thành vùng sản xuất tập trung theo quy định của cơ chế, chính sách.

2. Kinh phí đề nghị hỗ trợ hàng năm cho hộ gia đình, cá nhân cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất hoặc tham gia liên kết sản xuất

- Hỗ trợ hộ gia đình/cá nhân thực hiện cho thuê/góp vốn bằng quyền sử dụng đất, với tổng diện tích là m²; tổng kinh phí là triệu đồng, trong đó:

+ Đối với diện tích đất có thời gian cho thuê/góp vốn ổn định từ 05 năm đến dưới 10 năm là hộ gia đình/cá nhân; diện tích cho thuê/góp vốn là m²; khối lượng thóc hỗ trợ là kg/năm.

+ Đối với diện tích đất có thời gian cho thuê/góp vốn ổn định từ 10 năm trở lên là hộ gia đình/cá nhân; diện tích cho thuê/góp vốn là m²; khối lượng thóc hỗ trợ là kg/năm.

- Hỗ trợ hộ gia đình/cá nhân tham gia liên kết sản xuất, với tổng diện tích là m²; khối lượng thóc hỗ trợ là kg/năm.

- Hỗ trợ hộ gia đình/cá nhân thực hiện cấp mới hoặc đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; với tổng kinh phí là triệu đồng;

(Chi tiết có Danh sách hộ gia đình, cá nhân kèm theo)

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn cam kết đã tổ chức kiểm tra, rà soát, xác định tính chính xác thông tin đã kê khai; các đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ đang tiếp tục thực hiện tích tụ, tập trung đất đai theo đúng các nội dung như cam kết.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thành phố tổ chức nghiệm thu, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Mẫu số 02: Dành cho cơ sở thôn

UBND XÃ
THÔN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Kính gửi: UBND xã/phường/thị trấn

1. Thông tin vùng sản xuất tập trung sau khi thực hiện tích tụ, tập trung đất đai trên địa bàn thôn

- Nhà đầu tư (tên, địa chỉ):

- Tổng số hộ gia đình, cá nhân đã chuyển nhượng/cho thuê/góp vốn bằng quyền sử dụng đất/tham gia liên kết sản xuất là hộ gia đình/cá nhân.

- Tổng số thửa đất đã chuyển nhượng/cho thuê/góp vốn bằng quyền sử dụng đất/tham gia liên kết sản xuất: thửa đất.

- Tổng diện tích tích tụ, tập trung đất đai là ha; trong đó, diện tích đất tích tụ, tập trung liền mảnh là ha.

2. Nội dung đề nghị hỗ trợ: Đề nghị hỗ trợ thôn thực hiện công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tích tụ, tập trung đất đai là triệu đồng (*kinh phí hỗ trợ tính theo diện tích tích tụ, tập trung đất đai liền mảnh*).

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, hỗ trợ. /.

XÁC NHẬN CỦA UBND
Xã/phường/thị trấn

ĐẠI DIỆN
THÔN

Mẫu số 03: Dành cho hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Kính gửi: UBND xã/phường/thị trấn

Tên tôi là

Số CCCD ngày cấp Nơi cấp

Địa chỉ thường trú:

Số điện thoại liên hệ:

1. Thông tin thửa đất đã tham gia tích tụ, tập trung đất đai

- Tên tổ chức, hộ gia đình./cá nhân nhận chuyển nhượng/thuê/nhận góp vốn/chủ trì liên kết:; địa chỉ:

- Địa điểm thửa đất: Thôn, xã

- Phương thức tích tụ, tập trung đất đai (chuyển nhượng/cho thuê/góp vốn/tham gia liên kết):

- Diện tích thửa đất:m²

- Thời hạn cho thuê/góp vốn/tham gia liên kết (nếu có) là năm; bắt đầu từ tháng năm đến tháng năm

2. Nội dung đề nghị hỗ trợ theo cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai là (tính bằng đồng đối với phương thức chuyển nhượng; tính bằng kg thóc té thường/năm đối với các phương thức còn lại).

Thời gian đề nghị hỗ trợ là năm (đối với phương thức cho thuê quyền sử dụng đất/góp vốn bằng quyền sử dụng đất/tham gia liên kết sản xuất)

b) Hỗ trợ cấp mới/đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: đồng.

(Lưu ý: Các hộ gia đình, cá nhân có nhiều thửa đất khác nhau thì kê khai cụ thể nội dung đề nghị hỗ trợ như trên đối với từng thửa đất)

2. Nội dung cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực các thông tin đã nêu ở trên;
- Cam kết cho thuê/góp vốn/tham gia liên kết (nếu có) là năm.

Trường hợp vi phạm các cam kết nêu trên sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và hoàn trả toàn bộ phần kinh phí đã được Nhà nước hỗ trợ./.

XÁC NHẬN CỦA UBND
Xã/phường/thị trấn

ĐẠI DIỆN
HỌ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

Mẫu số 04: Dành cho Nhà đầu tư (tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND huyện/thành phố
- UBND xã/phường/thị trấn

1. Thông tin Nhà đầu tư (tổ chức/hộ gia đình/cá nhân)

- a) Tên nhà đầu tư:
- b) Địa chỉ:
- c) Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức:
 - Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã số:
 - Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:
 - Số điện thoại liên hệ:
- d) Trường hợp nhà đầu tư là hộ gia đình, cá nhân
 - Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số:(nếu có).
 - Số CCCD ngày cấp Nơi cấp
 - Số điện thoại liên hệ:

2. Thông tin vùng sản xuất tập trung sau khi thực hiện tích tụ, tập trung đất đai

- a) Địa điểm vùng sản xuất tập trung:
- b) Tổng số hộ gia đình, cá nhân đã chuyển nhượng/cho thuê/góp vốn bằng quyền sử dụng đất/tham gia liên kết sản xuất: hộ gia đình/cá nhân.
- c) Tổng số thửa đất đã chuyển nhượng/cho thuê/góp vốn bằng quyền sử dụng đất/tham gia liên kết sản xuất: thửa đất.
- d) Tổng diện tích vùng sản xuất tập trung là ha; trong đó, diện tích đất tích tụ, tập trung liền mảnh⁷ là ha.

(Chỉ tiết có Danh sách hộ gia đình, cá nhân kèm theo)

⁷ Diện tích đất tích tụ, tập trung đất đai **liền mảnh** là diện tích đất mà trong đó không còn thửa đất chưa được tích tụ, tập trung đất đai để hình thành vùng sản xuất tập trung theo quy định của cơ chế, chính sách.

2. Nội dung đề nghị hỗ trợ theo cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Hỗ trợ cải tạo đất, cải tạo mặt bằng vùng sản xuất tập trung sau khi tích tụ, tập trung đất đai, với kinh phí là đồng.

b) Đề nghị xây mới hoặc cải tạo, nâng cấp đường giao thông kết nối vùng sản xuất với hệ thống đường giao thông hiện có (tên tuyến đường);

c) Hỗ trợ (ghi rõ nội dung thực hiện: xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản, số hóa đồng ruộng, chứng nhận chất lượng sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ, ...), với kinh phí là đồng.

d) Hỗ trợ xây dựng nhà màng, nhà lưới, với kinh phí là đồng.

đ) Hỗ trợ Hợp tác xã thành lập mới mua máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, với tổng kinh phí là đồng; trong đó gồm:

- Máy làm đất đa năng công suất CV là đồng;

- Máy xay xát lúa gạo liên hoàn là đồng;

- Máy đồng.

e) Hỗ trợ đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện để chuyển mục đích sử dụng đất và đầu tư xây dựng các loại công trình phục vụ mục đích trồng lúa (khu làm mạ, khu sấy lúa); với diện tích đề nghị là m².

(Có hồ sơ đề nghị hỗ trợ kèm theo)

2. Nội dung cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực các thông tin đã nêu ở trên;

- Cam kết sử dụng máy cấy, hệ thống thiết bị sấy được hỗ trợ phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình ít nhất 03 năm (36 tháng) kể từ ngày đề nghị hỗ trợ;

- Cam kết thuê/nhận góp vốn/tham gia liên kết (nếu có) là năm.

Trường hợp vi phạm các cam kết nêu trên sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và hoàn trả toàn bộ phần kinh phí đã được Nhà nước hỗ trợ./.

XÁC NHẬN CỦA UBND
Xã/phường/thị trấn

ĐẠI DIỆN NHÀ ĐẦU TƯ

DANH SÁCH

Hộ gia đình, cá nhân tham gia tích tụ, tập trung đất đai
(kèm theo Đơn đề nghị hỗ trợ ngày .../.../..... của

STT	Đại diện hộ gia đình/cá nhân	Địa chỉ thường trú	Địa điểm thửa đất	Diện tích thửa đất ⁸	Thời gian tham gia ⁹	Số kinh phí/lượng thóc hỗ trợ ¹⁰
A	Diện tích đất tích tụ, tập trung thành vùng sản xuất tập trung (liền mảnh)			Tổng		
I	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất			Tổng		Tổng
1	Nguyễn Văn A	Thôn ..., xã	Thôn ...,	1.000		2,8
2						
II	Cho thuê quyền sử dụng đất			Tổng		Tổng
1	Nguyễn Văn B	Thôn ..., xã	Thôn ...,	360	05	15
2						
III	Góp vốn bằng quyền sử dụng đất			Tổng		Tổng
1	Nguyễn Văn C	Thôn ..., xã	Thôn ...,	720	10	50
2						
IV	Tham gia liên kết sản xuất			Tổng		Tổng
1	Nguyễn Văn D	Thôn ..., xã	Thôn ...,	1.080	05	30
2						
V	Cấp mới hoặc đổi GCNQSDĐ			Tổng		Tổng
1	Nguyễn Văn E	Thôn ..., xã	Thôn ...,	360		0,9
2						
B	Diện tích đất tích tụ, tập trung thành vùng sản xuất tập trung (ngoài phạm vi liền mảnh)			Tổng		
I	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất			Tổng		Tổng

⁸ Diện tích thửa đất tính theo số giao trên sổ địa chính của xã, phường, thị trấn; đơn vị tính là "m²";

⁹ Thời gian tham gia tích tụ, tập trung đất đai tính theo thời gian hợp đồng cho thuê/góp vốn/tham gia liên kết; đơn vị là "năm"

¹⁰ Kinh phí hỗ trợ tính theo đơn vị là "nghìn đồng"; số lượng thóc hỗ trợ tính theo đơn vị là "kg".

STT	Đại diện hộ gia đình/cá nhân	Địa chỉ thường trú	Địa điểm thửa đất	Diện tích thửa đất ⁸	Thời gian tham gia ⁹	Số kinh phí/lượng thóc hỗ trợ ¹⁰
1	Nguyễn Văn A	Thôn ..., xã	Thôn ...,	1.000		2,8
2						
II	Cho thuê quyền sử dụng đất			Tổng		Tổng
1	Nguyễn Văn B	Thôn ..., xã	Thôn ...,	360	05	15
2						
III	Góp vốn bằng quyền sử dụng đất			Tổng		Tổng
1	Nguyễn Văn C	Thôn ..., xã	Thôn ...,	720	10	50
2						
IV	Tham gia liên kết sản xuất			Tổng		Tổng
1	Nguyễn Văn D	Thôn ..., xã	Thôn ...,	1.080	05	30
2						
V	Cấp mới hoặc đổi GCNQSDĐ			Tổng		Tổng
1	Nguyễn Văn E	Thôn ..., xã	Thôn ...,	360		0,9
2						
C	Diện tích đất sản xuất không thuộc vùng sản xuất tập trung			Tổng		
I	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất			Tổng		
1	Trần Văn G	Thôn ..., xã	Thôn ...,	1.000		
2						
II	Cho thuê quyền sử dụng đất			Tổng		
1	Trần Văn H	Thôn ..., xã	Thôn ...,	360	05	
2						
III	Góp vốn bằng quyền sử dụng đất			Tổng		

STT	Đại diện hộ gia đình/cá nhân	Địa chỉ thường trú	Địa điểm thửa đất	Diện tích thửa đất ⁸	Thời gian tham gia ⁹	Số kinh phí/lượng thóc hỗ trợ ¹⁰
1	Trần Văn I	Thôn ..., xã	Thôn ...,	720	10	
2						
IV	Tham gia liên kết sản xuất			Tổng		
1	Trần Văn K	Thôn ..., xã	Thôn ...,	1.080	05	
2						

Mẫu số 05: Dành cho Nhà đầu tư là chủ trì dự án liên kết

**NHÀ ĐẦU TƯ
(CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../...

....., ngày tháng năm

DỰ ÁN/KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

I. TÊN DỰ ÁN/KẾ HOẠCH LIÊN KẾT:

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA LIÊN KẾT

1. Chủ trì liên kết:

- Địa chỉ: Điện thoại:

- Thông tin khác (nếu có):

2. Các bên tham gia liên kết (có Danh sách hộ gia đình, cá nhân kèm theo)

III. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN/KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Địa điểm thực hiện:

2. Quy mô liên kết:

3. Hình thức liên kết:

4. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết:

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:.....

6. Nguồn vốn đầu tư dự án dự kiến: triệu đồng;
(trong đó: Vốn đề nghị Nhà nước hỗ trợ.....; Vốn vay của các tổ chức tín dụng; Vốn huy động của các bên tham gia liên kết).

7. Tiến độ thực hiện dự án/kế hoạch liên kết:

8. Nội dung khác:

IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN/KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội):

2. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục):

**CHỦ TRÌ DỰ ÁN/KẾ HOẠCH
LIÊN KẾT**

Mẫu số 06: Dành cho Nhà đầu tư

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP KINH PHÍ HỖ TRỢ

Kính gửi:

- Sở Tài chính tỉnh Thái Bình;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện/thành phố.....

1. Thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- a) Tên nhà đầu tư:
- b) Địa chỉ trụ sở chính:
- c) Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã số:
- d) Người đại diện theo pháp luật: Chức vụ:
- d) Số điện thoại liên hệ:

2. Nội dung đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ

a) Đề nghị Sở Tài chính tỉnh Thái Bình/Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện/thành phố..... cấp kinh phí hỗ trợ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định .../QĐ-UBND ngày .../.../20... cho doanh nghiệp/HTX/liên hiệp HTX..... vào tài khoản ngân hàng của doanh nghiệp/HTX/liên hiệp HTX, cụ thể:

- Tên ngân hàng:
- Số Tài khoản:
- b) Tổng kinh phí đề nghị cấp hỗ trợ là đồng.

3. Nội dung cam kết: Cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin đã nêu ở trên./

ĐẠI DIỆN NHÀ ĐẦU TƯ